

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

BẢN TIN SỐ VỀ PHÁP LUẬT

THÁNG 12/2025



MỤC LỤC

1. Văn bản được ban hành trong Tháng 12/2025.....	3
2. Văn bản có hiệu lực trong Tháng 12/2025.....	15
3. Bản án xét xử phúc thẩm của Toà án nhân dân cấp cao (từ 20/11/2025- 20/12/2025)	21

1. Văn bản pháp luật ban hành trong Tháng 12

1.1. Luật Hành chính

1.1.1. Điều chỉnh địa điểm đặt trụ sở của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực

Ngày 03/12/2025, Tòa án nhân dân tối cao có [Quyết định 299/QĐ-TANDTC](#) về việc điều chỉnh địa điểm đặt trụ sở của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.



Theo đó, Điều chỉnh địa điểm đặt trụ sở chính của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực đã được công bố tại Quyết định 114/QĐ-TANDTC năm 2025.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03/12/2025.

Các nội dung khác của Quyết định 114/QĐ-TANDTC năm 2025 không thuộc phạm vi đi chỉnh tại Quyết định 299/QĐ-TANDTC năm 2025 vẫn giữ nguyên hiệu lực thì hành.

1.1.2. Sửa đổi quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn

Ngày 02/12/2025, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 310/2025/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định 125/2020/NĐ-CP](#) về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hóa đơn.



Một số điểm mới đáng chú ý:

- Mở rộng và làm rõ khái niệm vi phạm hành chính về thuế.
- Bổ sung các trường hợp bất khả kháng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.
- Bổ sung quy định về đối tượng bị xử phạt
- Sửa đổi quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với tổ chức, cá nhân liên quan.
- Sửa đổi quy định về xử phạt hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm, mức phạt không lập hóa đơn theo quy định...

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 16/01/2026.

1.1.3. Hướng dẫn lấy ý kiến Nhân dân về thay đổi đơn vị hành chính

Ngày 16/12/2025, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 321/2025/NĐ-CP](#) hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính. Nghị định này có hiệu lực từ 16/12/2025.



Việc lấy ý kiến được thực hiện ở cấp xã khi có thay đổi liên quan đến đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lấy ý kiến Nhân dân bằng cách phát Phiếu lấy ý kiến hộ gia đình. Các hình thức phát phiếu có thể được điều chỉnh phù hợp với tình hình địa phương, bao gồm cả việc sử dụng các phương tiện điện tử như trang thông tin điện tử hoặc mạng xã hội.

Kết quả lấy ý kiến phải nêu rõ số lượng hộ gia đình tham gia và tỷ lệ đồng ý. Nếu có từ 50% số hộ gia đình trở lên đồng ý,

Trường Đại học Luật Hà Nội

đề án sẽ được tiếp tục hoàn thiện và trình lên Hội đồng nhân dân để xem xét. Kết quả này cũng phải được công khai trên các cổng thông tin điện tử của địa phương và Chính phủ.

1.1.4. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân đặc khu

Điều 9 [Nghị định 322/2025/NĐ-CP](#) ban hành ngày 16/12/2025 quy định về cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân đặc khu như sau:

1 - Ủy ban nhân dân đặc khu gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân đặc khu là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân đặc khu, trừ trường hợp bố trí sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan của cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân đặc khu.



2 - Số lượng cụ thể Phó Chủ tịch và Ủy

Chất lượng cao tạo nên giá trị bền vững

viên Ủy ban nhân dân đặc khu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bảo đảm tinh gọn, phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại địa bàn đặc khu và theo quy định của Chính phủ về khung số lượng Phó Chủ tịch, số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân.

3 - Ủy ban nhân dân đặc khu được tổ chức các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác hoặc bố trí các công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân đặc khu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực.

1.1.5. Đề xuất sửa đổi Luật Xử lý vi phạm hành chính và văn bản hướng dẫn

Ngày 08/12/2025, Chính phủ ban hành [Nghị quyết 66.9/2025/NQ-CP](#) về xử lý khó khăn, vướng mắc trong quy định về trách nhiệm xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính. Ban hành kèm Nghị định là đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản:

- [Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012](#) số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số [67/2020/QH14](#) và Luật số [88/2025/QH15](#).
- [Nghị định 20/2016/NĐ-CP](#) quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

- [Nghị định 118/2021/NĐ-CP](#) quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi [Nghị định 68/2025/NĐ-CP](#) và [Nghị định 190/2025/NĐ-CP](#).

- [Thông tư 09/2025/TT-BTP](#) hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp....

1.1.6. Đã có Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi 2025, số 132/2025/QH15

Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi 2025 số 132/2025/QH15 chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.



[Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi 2025](#) đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung của [Luật Phòng, chống tham nhũng 2018](#) như sau:

Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 về các hành vi bị cấm:

- Thực hiện các hành vi đối với người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng;
- Bổ sung quy định cấm: Ngăn chặn, hủy bỏ thông tin, tài liệu, chứng cứ về phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng; không kịp thời chỉ đạo, ...

Sửa đổi về tiêu chí đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng tại Điều 17:

1.1.7. Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ngày 08/12/2025, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 314/2025/NĐ-CP](#) về Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, có hiệu lực từ ngày ban hành.



- Nguyên tắc làm việc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, tuân

thủ Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và giám sát của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải tinh gọn, hiệu quả, đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin.

- Trách nhiệm và cách thức giải quyết công việc

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thi hành [Hiến pháp 2013](#), pháp luật và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, trừ các nhiệm vụ quy định tại [Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025](#).

- Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Chương trình công tác bao gồm chương trình công tác năm, quý, tháng và tuần, được xây dựng dựa trên chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan cấp trên. Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm điều phối và theo dõi việc thực hiện chương trình công tác.

- Phiên họp và các cuộc họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần và có thể họp chuyên đề hoặc đột xuất khi cần thiết. Phiên họp có thể tổ chức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp, bảo đảm chất lượng và hiệu quả giải quyết công việc.

1.2. Luật Tài chính

1.2.1. Đã có Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi 2025, số 149/2025/QH15

Ngày 10/12/2025, Quốc hội thông qua [Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi 2025](#) có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026. Các nội dung đáng chú ý tại Luật này:

- Bổ sung đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng:

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.



- Tăng mức doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh từ 200 triệu đồng/năm lên **500 triệu đồng/năm**.

- Bãi bỏ quy định về thuế khoán của hộ, cá nhân kinh doanh.

- Bãi bỏ điều kiện hoàn thuế: Người bán đã kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định đối với hóa đơn đã xuất cho cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn thuế.

Xem chi tiết: [Điểm mới của Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi 2025](#)

1.2.2. Đã có Luật Quản lý thuế 2025, số 108/2025/QH15

[Luật Quản lý thuế 2025](#) được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2026 với nhiều nội dung mới, đáng chú ý như:

- Quy định người nộp thuế: Bao gồm cả tổ chức, cá nhân nước ngoài.



- Phân nhóm người nộp thuế để quản lý theo:

- Ngành nghề, lĩnh vực, đặc thù, phương thức hoạt động;
- Loại hình pháp lý, cơ cấu sở hữu;
- Quy mô hoạt động, quy mô doanh thu, số nộp ngân sách;
- Mức độ tuân thủ và lịch sử tuân thủ pháp luật về thuế của người nộp thuế.

- Giảm thời hạn khai bổ sung hồ sơ khai thuế từ 10 ngày còn 05 ngày.

- Quy định rõ hộ, cá nhân phải tự xác định mức doanh thu hằng năm để tính thuế...

Xem chi tiết: [Điểm mới của Luật Quản lý thuế 2025](#)

1.2.3. Đã có Luật Dự trữ quốc gia 2025, số 145/2025/QH15

Ngày 10/12/2025, Quốc hội thông qua [Luật Dự trữ quốc gia 2025](#), Luật này có

hiệu lực từ ngày 01/7/2026. Các quy định về dự trữ chiến lược sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2027.



Luật này điều chỉnh việc hình thành, quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia và quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia. Đối tượng áp dụng bao gồm các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến các hoạt động này.

- Mục tiêu và chính sách dự trữ quốc gia

Dự trữ quốc gia được hình thành để đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách như thiên tai, dịch bệnh, và phục vụ quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội. Nhà nước có chiến lược và quy hoạch tổng thể cho hệ thống kho dự trữ, đảm bảo quản lý tập trung, thống nhất và huy động nguồn lực xã hội tham gia.

- Quản lý và sử dụng hàng dự trữ quốc gia

Hàng dự trữ quốc gia phải được quản lý chặt chẽ, an toàn, và sử dụng đúng mục

đích. Việc nhập, xuất hàng phải đảm bảo đúng thẩm quyền, chủng loại, số lượng và chất lượng. Hàng dự trữ sau khi xuất cấp phải được nhập bù theo quy định.

- Ngân sách và tài chính cho dự trữ quốc gia

Ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia bao gồm chi cho hoạt động nhập, xuất, bảo quản và phát triển hệ thống kho. Bộ Tài chính quy định định mức chi phí và quản lý tài chính cho các hoạt động này.

1.2.4. Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025

Ngày 15/12/2025, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 320/2025/NĐ-CP](#) quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành [Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025](#):



Một số điểm mới đáng chú ý của Nghị định 320:

- Hóa đơn từ 05 triệu đồng phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt

Theo điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP, khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt từng lần có **giá trị từ 05 triệu đồng trở lên** sẽ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Giảm thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo điểm b khoản 4 Điều 4 Nghị định 320/2025/NĐ-CP, thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam được **miễn thuế 03 năm** kể từ khi có thu nhập từ bán sản phẩm. Trước đây, thời gian miễn thuế đối với sản phẩm này là 05 năm...

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/12/2025.

1.2.5. Quy định về đăng ký sử dụng biên lai thu thuế với hàng hóa xuất, nhập khẩu từ 01/01/2026

Ngày 09/12/2025, Bộ Tài chính đã ban hành [Thông tư 113/2025/TT-BTC](#) quy định về biên lai thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phí hải quan, lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.

Điều 5 Thông tư 113/2025/TT-BTC quy định về đăng ký sử dụng, thông báo phát

hành biên lai đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như sau:



- Đăng ký sử dụng biên lai điện tử qua cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 34 [Nghị định số 123/2020/NĐ-CP](#), được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 [Nghị định số 70/2025/NĐ-CP](#).

- Thông báo phát hành biên lai đặt in, tự in gửi đến Chi cục Hải quan khu vực nơi tổ chức thu đóng trụ sở chính theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Chi cục Hải quan khu vực cập nhật thông tin phát hành biên lai trên trang thông tin điện tử của ngành Hải quan.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

1.2.6. Quy định về quản lý viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam

Ngày 08/12/2025, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 313/2025/NĐ-CP](#) về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ban hành.



Nghị định này áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại. Đối tượng cung cấp viện trợ bao gồm các tổ chức quốc tế, chính phủ nước ngoài, tổ chức phi chính phủ, cá nhân nước ngoài, và các doanh nghiệp nước ngoài. Bên tiếp nhận viện trợ là các cơ quan, tổ chức Việt Nam được thành lập hợp pháp, có chức năng phù hợp với mục tiêu viện trợ.

- Nguyên tắc quản lý và sử dụng viện trợ
Viện trợ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, chỉ được tiếp nhận khi đã được phê duyệt. Không tiếp nhận hàng hóa cấm nhập khẩu. Cơ quan chủ quản chịu trách

nhiệm quản lý và sử dụng hiệu quả viện trợ, đảm bảo công khai, minh bạch.

- Hành vi bị cấm

Nghị định cấm sử dụng viện trợ cho mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, trốn thuế, và các hành vi vi phạm pháp luật khác như tham nhũng, lãng phí.

1.2.7. Quy định về Sở giao dịch hàng hóa tại Trung tâm tài chính quốc tế

Ngày 18/12/2025, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 330/2025/NĐ-CP](#) về thành lập và hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Theo đó, doanh nghiệp được thành lập Sở giao dịch hàng hóa phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Là Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế hoặc công ty do Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế sở hữu hoặc kiểm soát, trong đó tỷ lệ vốn góp của công ty Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế chiếm tối thiểu 49% vốn điều lệ.

- Trường hợp là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổng tỉ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không được quá 49%.

- Vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng (một nghìn năm trăm tỷ đồng) trở lên.

- Có mô hình, tổ chức hoạt động, chức năng của Sở giao dịch hàng hóa.

- Dự thảo Điều lệ hoạt động phù hợp với quy định của Chính phủ về mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và Nghị định này.

- Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành an toàn, ổn định và bảo mật...

1.2.8. Quy định về quản lý tài chính dự án PPP và hợp đồng BT từ 06/12/2025

Ngày 15/07/2025, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 312/2025/NĐ-CP](#) quy định cơ chế quản lý tài chính cho các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) và cơ chế thanh toán, quyết toán cho các dự án áp dụng loại hợp đồng BT. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Nghị định này áp dụng cho các bên tham gia hợp đồng dự án PPP, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư theo phương thức PPP.

- Phương án tài chính của dự án PPP

Phương án tài chính của dự án PPP phải phản ánh đầy đủ các khoản chi phí và nguồn thu hợp pháp trong suốt quá trình chuẩn bị, thực hiện và vận hành dự án. Doanh thu và chi phí của dự án PPP phải được quản lý và hạch toán độc lập với các hoạt động kinh doanh khác của nhà đầu tư. Phần vốn nhà nước trong dự án không được tính vào phương án thu hồi vốn và lợi nhuận của nhà đầu tư.



- Quản lý và sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP

Vốn đầu tư công hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong dự án PPP phải được sử dụng theo tỷ lệ, giá trị, tiến độ và điều kiện thanh toán quy định trong hợp đồng dự án. Vốn nhà nước chỉ được giải ngân khi có kế hoạch vốn và dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cơ chế chia sẻ doanh thu

Nghị định quy định rõ cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu giữa Nhà

nước và doanh nghiệp dự án PPP. Phần doanh thu tăng mà doanh nghiệp chia sẻ với Nhà nước sẽ được nộp vào ngân sách, trong khi phần doanh thu giảm sẽ được Nhà nước chia sẻ với doanh nghiệp từ các nguồn dự phòng ngân sách.

1.2.9. Thành lập Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam



Ngày 18/12/2025, Chính phủ ban hành [Nghị định 323/2025/NĐ-CP](#) về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Theo đó, Trung tâm tài chính quốc tế là một thực thể pháp lý thống nhất, hoạt động tại hai địa điểm là Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng. Quy chế hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế do Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế phê duyệt, có hiệu lực chung và áp dụng thống nhất tại hai địa điểm. Tất cả chuẩn mực, quy chế, quy trình, quy tắc, biểu mẫu nghiệp vụ và tiêu chuẩn cấp phép trong Trung tâm tài

chính quốc tế được ban hành thống nhất và áp dụng đồng thời tại hai địa điểm.

Tên chính thức:

- Tiếng Việt: Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng;

- Tiếng Anh: Viet Nam International Financial Center in Ho Chi Minh City (VIFC-HCMC) and Viet Nam International Financial Center in Da Nang City (VIFC-DN).

1.3. Luật Lao động

1.3.1. Quy định chi tiết về đăng ký lao động từ 01/01/2026

[Nghị định 318/2025/NĐ-CP](#) ban hành ngày 12/12/2025 quy định chi tiết một số điều của [Luật Việc làm 2025](#) liên quan đến đăng ký lao động và hệ thống thông tin thị trường lao động, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Nghị định này áp dụng cho người lao động, người sử dụng lao động và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc đăng ký lao động và quản lý hệ thống thông tin thị trường lao động.

Người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, người có việc làm không thuộc đối tượng bảo hiểm bắt

buộc và người thất nghiệp đều phải thực hiện đăng ký lao động.



Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Thông tin cá nhân
- Trình độ học vấn
- Tình trạng việc làm
- Bảo hiểm xã hội
- Các đặc điểm đặc thù.

Việc đăng ký có thể thực hiện trực tuyến qua Sàn giao dịch việc làm quốc gia hoặc ứng dụng VNeID.

1.4. Luật Đất đai

1.4.1. Chính sách tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thi hành Luật Đất đai 2024

Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã thông qua [Nghị quyết 254/2025/QH15](#) quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành [Luật Đất đai](#). Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 với nhiều điểm đáng chú ý như:



- Quy định mới về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
- Điểm mới về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất
- Quy định về giá đất, bảng giá đất và hệ số điều chỉnh
- Hướng dẫn cụ thể về nghĩa vụ tài chính về đất đai
- Hướng dẫn cụ thể về đăng ký đất đai, tách thửa, cấp Giấy chứng nhận

1.5. Luật Môi trường

1.5.1. Phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường

Ngày 03/12/2025, Chính phủ đã ban hành [Nghị quyết số 394/NQ-CP](#) về phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải vì một Việt Nam sáng - xanh - sạch - đẹp. Nghị quyết đặt ra mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 100% các phường, xã tổ chức ngày cuối tuần ra quân tổng vệ sinh công cộng tại các khu dân cư, tổ dân phố.



- 100% chính quyền địa phương tổ chức phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình, cá nhân; bố trí đủ các điểm tập kết và thu gom rác thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường, chấm dứt tình trạng đổ, đốt rác thải không đúng quy định tại cộng đồng.
- 100% khu dân cư, tổ dân phố có bổ sung nội dung về bảo vệ môi trường vào hương ước, quy ước; xây dựng, duy trì và nhân rộng mô hình tự quản về môi trường.
- 100% các địa phương huy động hiệu quả các nguồn lực để đầu tư, xây dựng và phát triển phương tiện, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phân loại, thu gom, tái chế, xử lý rác thải đồng bộ, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có

tốt nhất; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về quản lý rác thải.

2. Văn bản pháp luật có hiệu lực Tháng 12/2025

2.1. Luật Hành chính

2.1.1. Phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030

[Nghị định 272/2025/NĐ-CP](#) về việc phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho giai đoạn 2026 – 2030 có hiệu lực từ ngày 01/12/2025. Theo đó:

- Tiêu chí xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Có từ 15% người dân tộc thiểu số trở lên sinh sống ổn định.
- Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Đáp ứng ít nhất một trong hai tiêu chí: có từ 15% người dân tộc thiểu số trở lên hoặc có từ 4.500 người dân tộc thiểu số trở lên sinh sống ổn định.
- Tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Đáp ứng ít nhất một trong hai tiêu chí: có từ 15% người dân tộc thiểu số trở lên hoặc có từ 2/3 số xã trở lên là xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số.



- Tiêu chí xác định vùng miền núi

- Thôn miền núi: Đáp ứng ít nhất một trong hai tiêu chí: có ít nhất 2/3 diện tích tự nhiên nằm ở độ cao từ 200 mét trở lên hoặc có độ dốc địa hình từ 15% trở lên.
- Xã miền núi: Đáp ứng ít nhất một trong hai tiêu chí: có ít nhất 2/3 diện tích tự nhiên nằm ở độ cao từ 200 mét trở lên hoặc có từ 2/3 số thôn trở lên là thôn miền núi.
- Tỉnh miền núi: Đáp ứng ít nhất một trong hai tiêu chí: có ít nhất 2/3 diện tích tự nhiên nằm ở độ cao từ 200 mét trở lên hoặc có từ 2/3 số xã trở lên là xã miền núi.

2.1.2. Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội

[Nghị định 282/2025/NĐ-CP](#) quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; và phòng,

chống bạo lực gia đình. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/12/2025.



Một số quy định đáng chú ý:

- Không xuất trình giấy tờ/thông tin cư trú trên VNeID theo yêu cầu phạt từ 500.000 đến 01 triệu đồng
- Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000
- 01 triệu đồng đối với một trong những hành vi: Gây mất trật tự công cộng ở; Thả rông động vật nuôi trong đô thị hoặc nơi công cộng; Vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự...
- Phạt tiền từ 02 - 03 triệu đồng đối với một trong những hành vi sau đây: Sử dụng rượu, bia, các chất kích thích gây mất trật tự công cộng; Tổ chức, tham gia tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng...

2.1.3. Quy định về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực tài nguyên nước

[Nghị định 290/2025/NĐ-CP](#) quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, có hiệu lực từ ngày 25/12/2025.

Nghị định này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước trên lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, những người có thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này cũng thuộc đối tượng điều chỉnh.

- Hình thức và mức xử phạt

Các hình thức xử phạt chính bao gồm cảnh cáo và phạt tiền. Mức phạt tiền tối đa cho một hành vi vi phạm là 250 triệu đồng đối với cá nhân và 500 triệu đồng đối với tổ chức.

Ngoài ra, có thể áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung như đình chỉ hoạt động và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.



- Biện pháp khắc phục hậu quả

Nghị định quy định nhiều biện pháp khắc phục hậu quả như buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước, xâm nhập mặn, lũ lụt, ngập úng nhân tạo, và sụt lún đất. Các tổ chức, cá nhân vi phạm có thể bị buộc phải kê khai, đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước hoặc nộp hồ sơ đề nghị cấp phép nếu muốn tiếp tục khai thác.

- Thời hiệu xử phạt

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước là 2 năm. Trong trường hợp vi phạm do cơ quan tổ tụng chuyển đến, thời hiệu xử phạt được kéo dài thêm 1 năm.

- Thẩm quyền xử phạt

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Cục trưởng các cục thuộc bộ, Giám đốc sở, Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, và Cảnh sát biển đều có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước theo phạm vi quản lý của mình. Mức phạt tiền và các biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng tùy theo thẩm quyền của từng cấp.

2.1.4. Triển khai giải quyết 3 thủ tục hành chính về xuất nhập cảnh trên môi trường điện tử

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, tại [Hướng dẫn 5609/LS-XNC](#), Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao thông báo:



Kể từ ngày 01/12/2025, Cục Lãnh sự chính thức triển khai tiếp nhận và giải quyết trực tuyến trên môi trường trực tuyến toàn trình (bên cạnh việc tiếp nhận và giải quyết trực tiếp như hiện nay) đối với 03 thủ tục hành chính về xuất nhập cảnh thuộc phạm vi phụ trách, bao gồm:

- 1 - Thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao (Mã số TTHC: 2.002352);
- 2 - Thủ tục gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao (Mã số TTHC: 2.002353);
- 3 - Thủ tục cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực tại cơ quan trong

nước của Bộ Ngoại giao (Mã số TTHC: 2.002354).

2.1.4. Chỉ làm thủ tục bay tại quầy đối với hành khách có hành lý ký gửi và hành khách đặc biệt.

Theo [Chi thị 24/CT-TTg](#), từ ngày 01/12/2025, chỉ làm thủ tục tại quầy đối với hành khách có hành lý ký gửi và hành khách đặc biệt.



Tất cả hành khách không thuộc diện nêu trên thực hiện thủ tục toàn trình (mua vé, làm thủ tục, kiểm tra an ninh, lên tàu bay) thông qua giải pháp ứng dụng công nghệ sinh trắc học gắn với định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc tại hệ thống Kiosk tự phục vụ tại sân bay.

2.2. Luật Ngân hàng

2.2.1. Điều kiện thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu

Điều 4 [Nghị định 304/2025/NĐ-CP](#) (hiệu lực ngày 01/12/2025) quy định điều kiện tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ.

Theo đó, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là chỗ ở duy nhất hoặc công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất chỉ được thu giữ khi đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều 198a [Luật Các tổ chức tín dụng 2024](#), số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi [Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi 2025](#), số 96/2025/QH15 và một trong các điều kiện sau:

- Trường hợp thu giữ chỗ ở duy nhất đã được xác nhận và chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này, bên nhận bảo đảm trích một khoản tiền cho bên bảo đảm bằng 12 tháng lương tính theo mức lương tối thiểu;
- Trường hợp thu giữ công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất không hình thành từ vốn vay đã được xác nhận và chứng minh theo quy định, bên nhận bảo đảm trích một khoản tiền cho bên bảo đảm bằng 06 tháng lương tính theo mức lương tối thiểu.



- Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu không phải là tài sản quy định tại khoản 1 Điều này được thu giữ khi đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều 198a Luật số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

2.2.2. Công ty quản lý nợ chỉ được nắm giữ bất động sản tối đa 5 năm

Điều 8 [Thông tư 31/2025/TT-NHNN](#) có hiệu lực từ 01/12/2025 quy định hoạt động mua tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu

(1) Công ty quản lý nợ là công ty con của tổ chức tín dụng không được kinh doanh bất động sản trừ trường hợp quy định tại (2), (3).

(2) Công ty quản lý nợ là công ty con của tổ chức tín dụng chỉ được mua tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của Bên ủy quyền trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu để thu hồi nợ.



(3) Khi mua tài sản bảo đảm theo quy định tại (2), công ty quản lý nợ phải tuân thủ các quy định sau đây:

- Tổng giá mua của các tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu theo quy định tại Điều 5 Thông tư này không được vượt quá vốn điều lệ của công ty quản lý nợ đó;

- Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày mua tài sản bảo đảm là bất động sản, công ty quản lý nợ phải bán, chuyển nhượng tài sản bảo đảm này. Trường hợp nắm giữ quá 05 năm, công ty quản lý nợ không được mua thêm bất kỳ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của Bên ủy quyền.

2.2.3. Giảm lãi suất cho vay hộ nghèo và học sinh, sinh viên xuống còn 6,24%/năm

Tại Điều 1 [Quyết định 2553/QĐ-TTg](#) đã điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội từ ngày 01/12/2025 như sau:

- Lãi suất cho vay hộ nghèo, cho vay học sinh, sinh viên (theo [Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg](#) ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ), điều chỉnh giảm từ 6,6%/năm (0,55%/tháng) xuống 6,24%/năm (0,52%/tháng).



- Lãi suất cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn, điều chỉnh giảm từ 9,0%/năm (0,75%/tháng) xuống 7,8%/năm (0,65%/tháng).
- Lãi suất cho vay thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, điều chỉnh giảm từ 9,0%/năm (0,75%/tháng) xuống 8,4%/năm (0,70%/tháng).

Mức lãi suất cho vay các chương trình tín dụng chính sách nêu trên được áp dụng từ ngày 01/12/2025 đối với các khoản vay còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Bản án xét xử phúc thẩm của Toà án nhân dân tối cao (từ 20/11/2025-20/12/2025)

(Nguồn: congbobanan.toaan.gov.vn)

3.1. Luật Hành chính**Bản án: số 503/2025/HC-PT ngày 27/11/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Tên bản án: Nguyễn Thanh P

Thông tin về vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 66, Điều 67 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Luật Khiếu nại; Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2025/HC-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp).

Bản án: số 497 ngày 25/11/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Trần Minh C

Thông tin về vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Trần Minh C; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2025/HC-ST ngày 25/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.
2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND thành phố C về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với ông Trần Minh C và buộc UBND thành phố C hỗ trợ cho ông Trần Minh C được nhận chuyển nhượng 02 nền tái định cư ngay tại phần đất ông C bị thu hồi.
3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Minh C không phải nộp. 4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày

hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án: số 490 ngày 24/11/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư” giữa NKK Bùi Thị Lệ T- NBKUBND thành phố T (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường L, Thành phố Hồ Chí Minh)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị Lệ T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 104/2024/HC-ST ngày 27/09/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng

Bản án: số 177/2025 ngày 26/11/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: V/v khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại; hủy quyết định thu hồi, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ án: V/v khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại; hủy quyết định thu hồi, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

3.2. Luật Dân sự

Bản án: số 638/2025/DS-PT ngày 27/11/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Ngô Đình T

Thông tin về vụ/việc: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26, Điều 236, Điều 237 Luật Đất đai năm 2024; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: 1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Đình T và ông Ngô Đình A1 (do ông Trầm Phú L1 đại diện); Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 23/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh (nay là tỉnh Vĩnh Long).

Bản án: số 625/2025/DS-PT ngày 25/11/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Tran M

Thông tin về vụ/việc: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Tran Michael A là bà Vũ Phong T1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2025/DS-ST ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án: số 146/2025 ngày 26/11/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Bản án: số 144/2025 ngày 25/11/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thông tin về vụ/việc: V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Luật Hình sự

Bản án: số 615 ngày 28/11/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Lâm Thanh T - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lâm Thanh T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2025/HS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
2. Tuyên bố: Bị cáo Lâm Thanh T (Lâm Hữu T1) phạm tội: “Giết người”. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm q, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Lâm Thanh T tù chung thân, thời hạn hình phạt tính từ ngày tạm giữ là ngày 09 tháng 3 năm 2025. Tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.
3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lâm Thanh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.
4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án: số 616/2025/HSPT ngày 28/11/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Nguyễn Trần Q giết người - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: 2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm : Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trần Q phạm tội “Giết người”.Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự; Các Điều 15, 57, 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Q 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 05/5/2024.

Bản án: số 530 ngày 28/11/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội

Tên bản án: Trần Hồng Q đánh bạc - phạm tội đánh bạc (điều 321 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Trần Hồng Q đánh bạc